

Số: 962/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1161/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2021, về việc: “Ly hôn”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm: 1995

Địa chỉ: D Đường H, Tổ M, Khu phố K, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Đỗ Hoàng M, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số Y đường Z, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Kim N và ông Đỗ Hoàng M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 04/05/2017 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Giao một con chung tên Đỗ Ngọc Ngân V, sinh ngày 25/4/2019 cho bà Trần Thị Kim N trực tiếp nuôi

dưỡng, ông Đỗ Hoàng M có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Các bên tự giao nhận vào từ ngày 06 đến ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 04/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2.3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) bà N tự nguyện chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) do bà N tự nguyện chịu thay cho ông M, do đó án phí bà N phải chịu là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0028755 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 20/5/2021. Bà N đã nộp đủ án phí, ông Minh không phải nộp án phí.

2.4. Về nghĩa vụ và quyền yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- UBND Bình Trưng Tây, Tp. Thủ Đức;
- Lưu: VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực